

# Giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Việt Nam

HOÀNG VŨ QUANG  
ĐẶNG THỊ PHƯƠNG HOA

**B**ài viết tiếp cận từ góc độ quản lý nhà nước về thực trạng phát triển kinh tế trang trại ở Việt Nam, phân tích bối cảnh và đưa ra một số giải pháp chính sách, nhấn mạnh đến việc thay đổi các tiêu chí là quy định của Nhà nước về kinh tế trang trại theo hướng thị trường và phát triển bền vững.

**Từ khóa:** kinh tế trang trại, phát triển nông nghiệp, chính sách nông nghiệp, phân tích chính sách nông nghiệp.

## 1. Kinh tế trang trại

### 1.1. Khái niệm

Để hình dung về kinh tế trang trại, có thể lấy căn cứ từ mô tả của Lê-nin: “Người chủ trang trại bán ra thị trường hầu hết các sản phẩm làm ra, còn người tiểu nông thì dùng đại bộ phận sản phẩm sản xuất được, mua bán càng ít càng tốt”. Mác điển đạt rằng, điểm cơ bản của trang trại gia đình là sản xuất hàng hóa, khác với kinh tế tiểu nông là sản xuất tự cấp tự túc, nhưng có điểm giống nhau là lấy gia đình làm cơ sở nòng cốt (Ngô Xuân Toàn và Đỗ Thị Thanh Vinh, 2014).

Trên thế giới, các trang trại đã hình thành từ thời đế quốc La Mã, trong đó, lực lượng sản xuất chủ yếu là các nô lệ. Năm 1802 ở Pháp có 5.672.000 trang trại, năm 1882 ở Tây Đức có 5.276.000 trang trại, năm 2990 ở Mỹ có 5.737.000 trang trại, Thái Lan năm 1963 có 2.314.000 trang trại, Ấn Độ có hơn 44 triệu trang trại... Cùng với quá trình phát triển công nghiệp, số lượng các trang trại giảm, nhưng quy mô về diện tích và doanh thu tăng lên. Hiện nay ở Mỹ có 2,2 triệu trang trại, sản xuất mỗi năm 50% sản lượng đậu tương và ngô trên thế giới; ở Pháp có 980.000 trang trại, sản xuất một lượng nông sản gấp 2,2 lần nhu cầu trong nước; 1.500 trang trại của Hà Lan mỗi năm sản xuất 7 tỷ bông hoa, 600 triệu chậu hoa; lao động trong các trang trại của Nhật Bản khoảng 4 triệu người (chiếm 3,7% dân số cả nước) nhưng bảo

đảm lương thực, thực phẩm cho hơn 100 triệu người. Quy mô trang trại của Thái Lan là 4,5ha, Ấn Độ 2ha, Đài Loan 1,5ha... (Lê Xuân Lâm, 2012).

Ở Việt Nam, trang trại đã hình thành và phát triển dưới thời nhà Trần với tên gọi chung là các thái ấp. Tuy nhiên, trong thời phong kiến, chỉ những người có nhiều ruộng đất như địa chủ, quan lại mới có thái ấp, còn nông dân nghèo hoặc là chỉ có ruộng đất đủ nuôi sống bản thân dưới hình thức kinh tế nông hộ nhỏ hoặc đi làm thuê. Thời Pháp thuộc, trang trại dưới tên gọi đồn điền cũng chỉ có trong tay nhà giàu hoặc quan lại người Pháp và người Việt với số lượng không đáng kể.

Kinh tế trang trại ở Việt Nam được định hình rõ nét nhất từ khi hộ nông dân được công nhận là một đơn vị kinh tế tự chủ, được giao quyền sử dụng đất ổn định, lâu dài cùng với những chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp và nông thôn khác qua các thời kỳ (Tạp chí Cộng sản, 2010).

### 1.2. Tiêu chí xác định kinh tế trang trại

Theo thông tư liên tịch số 69 liên bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tổng cục Thống kê và thông tư số 74/2003/TT-BNN

Hoàng Vũ Quang, TS., Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn; Đặng Thị Phương Hoa, PGS.TS., Viện Kinh tế Việt Nam.

điều chỉnh về tiêu chí xác định trang trại thì kinh tế trang trại phải đạt các tiêu chí sau:

**BẢNG 1: Tiêu chí xác định trang trại theo Thông tư liên bộ số 69/2000/TTLB/BNN-TCTK**

	Các tỉnh phía Bắc và duyên hải miền Trung	Các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên
<b>A. Quy mô về giá trị sản xuất</b>		
Giá trị sản lượng hàng hóa và dịch vụ bình quân một năm	Từ 40 triệu đồng trở lên	Từ 50 triệu đồng trở lên
<b>B. Quy mô sản xuất</b>		
1. Trang trại trồng cây hàng năm	Từ 2 ha trở lên	Từ 3 ha trở lên
2. Trang trại trồng cây lâu năm	Từ 3 ha trở lên	Từ 5 ha trở lên
3. Trang trại trồng hồ tiêu	Từ 3,5 ha trở lên	
4. Trang trại lâm nghiệp	Từ 10 ha trở lên	
5. Trang trại chăn nuôi đại gia súc: trâu, bò...		
- Chăn nuôi sinh sản, lấy sữa	Có thường xuyên từ 10 con trở lên	
- Chăn nuôi lấy thịt	Có thường xuyên từ 50 con trở lên	
6. Chăn nuôi gia súc: lợn, dê		
- Chăn nuôi sinh sản	Đối với lợn có từ 20 con trở lên Đối với dê, cừu có từ 100 con trở lên	
- Chăn nuôi lấy thịt	Đối với lợn thịt có từ 100 con trở lên (không kể lợn sữa) Đối với dê thịt có từ 200 con trở lên	
7. Chăn nuôi gia cầm: gà, vịt, ngan, ngỗng	Có thường xuyên từ 2.000 con trở lên (không tính số đầu con dưới 7 ngày tuổi)	
8. Trang trại nuôi, trồng thủy sản	Diện tích mặt nước có từ 2 ha trở lên Nuôi tôm thịt theo kiểu công nghiệp có từ 1 ha trở lên	
9. Đối với các loại sản phẩm nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản có tính chất đặc thù, như: trồng hoa, cây cảnh, trồng nấm, nuôi ong, giống thủy sản và thủy đặc sản	Tiêu chí xác định trang trại là sản lượng hàng hóa (tiêu chí A)	

*Nguồn:* Thông tư liên tịch số 69 liên Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tổng cục Thống kê và Thông tư số 74/2003/TT-BNN.

Ngày 13-4-2011, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ra Thông tư số 27, trong đó có mục xác định tiêu chí của kinh tế trang trại lên mức độ cao hơn so với các văn bản trước đó.

## **2. Quản lý nhà nước đối với kinh tế trang trại**

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồn điền của người Pháp và Việt bị tịch thu và biến thành các nông trường quốc doanh.

Số nông trường ngày một tăng cả về lượng và quy mô đến mức năm 1960 phải thành lập Bộ Nông trường để quản lý. Vai trò, tầm quan trọng của trang trại trong phát triển nông nghiệp đã được khẳng định trong nhiều Nghị quyết của Đảng và Chính phủ. Từ năm 1986, thực hiện cơ chế coi hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, đổi mới quản lý hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh thì trang trại mới được thừa nhận và khuyến

khích phát triển. Chủ trương đối với kinh tế trang trại được nêu trong Nghị quyết hội nghị lần thứ tư của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII tháng 12-1997. Nghị quyết số 06 ngày 10-11-1998 của Bộ Chính trị về phát triển nông nghiệp và nông thôn, tiếp tục khẳng định chủ trương phát triển trang trại và Nhà nước có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại gia đình. Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 02-02-2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại khẳng định "Nhà nước công nhận, coi trọng và khuyến khích phát triển kinh tế trang trại như các loại hình sản xuất kinh doanh khác trong nông nghiệp, nông thôn". Chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại tập trung vào: (i) tạo điều kiện cho trang trại được giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ổn định lâu dài sản xuất kinh doanh; (ii) đặc biệt khuyến khích đầu tư khai thác và sử dụng có hiệu quả đất trống, đồi núi trọc, các loại đất còn hoang hóa ở trung du, miền núi, biên giới hải đảo...; (iii) ưu đãi, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho trang trại như hỗ trợ về vốn, khoa học công nghệ, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng kết cấu hạ tầng, tiếp cận tín dụng, đào tạo nghề...

Năm 2008, Chính phủ cho phép Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam dành khoảng 4.000 tỷ đồng để Hiệp hội Doanh nghiệp và trang trại Việt Nam tín chấp cho các hộ vùng II, III vay với lãi suất ưu đãi để phát triển kinh tế theo hướng trang trại (mỗi hộ được vay không quá 100 triệu đồng). Nguồn vốn này mỗi năm sẽ được tăng thêm, nên đây là cơ hội để các địa phương có thêm nguồn vốn cho phát triển kinh tế.

Vai trò và định hướng phát triển kinh tế trang trại tiếp tục được khẳng định trong Nghị quyết trung ương 26 về nông nghiệp nông dân nông thôn và trong nhiều văn bản chính sách liên quan như: trong trong các Quyết định số 800/QĐ-TTg năm 2010 và số 1600/QĐ-TTg năm 2016 về xây dựng nông thôn mới, Quyết định 899/QĐ-TTg năm 2013 về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng

nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

### **2.1. Chính sách đất đai**

- Hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản sống tại địa phương có nhu cầu và khả năng sử dụng đất để mở rộng sản xuất thì ngoài phần đất đã được giao trong hạn mức của địa phương còn được Ủy ban nhân dân xã xét cho thuê đất để phát triển trang trại.

- Hộ gia đình, cá nhân được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thuê lại quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác để phát triển trang trại theo quy định của pháp luật về đất đai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hộ gia đình, cá nhân đã được giao hoặc nhận chuyển nhượng, quyền sử dụng đất vượt quá hạn mức sử dụng đất trước ngày 01-01-1999 để phát triển trang trại thì được tiếp tục sử dụng và chuyển sang phần diện tích đất vượt hạn mức, theo quy định của pháp luật về đất đai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

### **2.2. Chính sách thuế**

- Để khuyến khích và tạo điều kiện hộ gia đình, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế trang trại, nhất là ở những vùng đất trống, đồi núi trọc, bãi bồi, đầm phá ven biển, thực hiện miễn thuế thu nhập cho trang trại với thời gian tối đa theo Nghị quyết số 51/1999/NQ-CP, ngày 8-7-1999 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10.

- Các trang trại được miễn giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai khi thuê đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hoá để trồng rừng sản xuất, trồng cây lâu năm và khi thuê diện tích ở các vùng nước tự nhiên chưa có đầu tư cải tạo vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

### **2.3. Chính sách đầu tư tín dụng**

Trang trại phát triển sản xuất, kinh doanh được vay vốn tín dụng thương mại của

các ngân hàng thương mại quốc doanh. Việc vay vốn được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 67/1999/QDD-TTg ngày 30-3-1999 của Thủ tướng Chính phủ về “Một số chính sách tín dụng ngân hàng phát triển nông nghiệp và nông thôn”, chủ trang trại được dùng tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm tiên vay theo quy định tại Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29-11-1999 của Chính phủ về bảo đảm tiên vay của các tổ chức tín dụng.

#### **2.4. Chính sách lao động**

Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ để các chủ trang trại mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, tạo được nhiều việc làm cho lao động nông thôn, ưu tiên sử dụng lao động của hộ nông dân không đất, thiếu đất sản xuất nông nghiệp, hộ nghèo thiếu việc làm. Chủ trang trại được thuê lao động không hạn chế về số lượng; trả công lao động trên cơ sở thoả thuận với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Chủ trang trại phải trang bị đồ dùng bảo hộ lao động theo từng loại nghề cho người lao động và có trách nhiệm với người lao động khi gặp rủi ro, ốm đau trong thời gian làm việc theo hợp đồng lao động.

#### **2.5. Chính sách khoa học, công nghệ, môi trường**

- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn cùng với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy hoạch đầu tư phát triển các vườn ươm giống cây nông nghiệp, lâm nghiệp và các cơ sở sản xuất con giống (chăn nuôi, thủy sản) hoặc hỗ trợ một số trang trại có điều kiện sản xuất giống để bảo đảm đủ giống tốt, giống có chất lượng cao cung cấp cho các trang trại và hộ nông dân trong vùng.

- Khuyến khích chủ trang trại góp vốn vào quỹ hỗ trợ phát triển khoa học, liên kết với cơ sở khoa học, đào tạo, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật áp dụng vào trang trại và làm dịch vụ kỹ thuật cho nông dân trong vùng.

#### **2.6. Chính sách thị trường**

- Bộ Thương mại, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ủy ban Nhân dân các tỉnh,

thành phố trực thuộc trung ương tổ chức tốt việc cung cấp thông tin thị trường, khuyến cáo khoa học kỹ thuật, giúp trang trại định hướng sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

- Nhà nước hỗ trợ việc đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các cơ sở công nghiệp chế biến ở các vùng tập trung, chuyên canh, hướng dẫn việc ký kết hợp đồng cung ứng vật tư và tiêu thụ nông sản hàng hoá của trang trại và nông dân trên địa bàn.

- Nhà nước khuyến khích phát triển chợ nông thôn, các trung tâm giao dịch mua bán nông sản và vật tư nông nghiệp. Tạo điều kiện cho các chủ trang trại được tiếp cận và tham gia các chương trình dự án hợp tác, hội chợ triển lãm trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt là giữa các doanh nghiệp nhà nước với hợp tác, chủ trang trại, hộ nông dân.

- Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích chủ trang trại xuất khẩu trực tiếp sản phẩm mua gom của trang trại khác, của các hộ nông dân và nhập khẩu vật tư nông nghiệp.

#### **2.7. Chính sách bảo hộ tài sản đã đầu tư của trang trại**

Tài sản và vốn đầu tư hợp pháp của trang trại không bị quốc hữu hoá, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính. Trong trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh, vì lợi ích quốc gia, Nhà nước cần thu hồi đất được giao, được thuê của trang trại thì chủ trang trại được thanh toán hoặc bồi thường tại thời điểm công bố quyết định thu hồi.

### **3. Thực trạng phát triển kinh tế trang trại**

#### **3.1. Về số lượng**

Năm 2000 cả nước có 57.069 trang trại, năm 2010 đã đạt 145.880 trang trại (tốc độ tăng trung bình 4,2%/năm). Năm 2017 cả nước có gần 150.000 trang trại với diện tích đất sử dụng khoảng 900.000ha. Trong đó, các trang trại chuyên trồng cây nông nghiệp

chiếm 55,3%; chăn nuôi gia súc, gia cầm chiếm 10,3%; lâm nghiệp chiếm 2,2%; nuôi trồng thủy sản chiếm 27,3% và sản xuất kinh doanh tổng hợp chiếm 4,9% (Phương Dung, 2017); trong đó đáng chú ý là trang trại chăn nuôi tăng mạnh trong giai đoạn từ 2011. Sự tăng mạnh số lượng trang trại chăn nuôi là việc tăng quy mô chăn nuôi không đòi hỏi nhiều đất như trang trại trồng trọt, nuôi trồng thủy sản và tăng quy mô chăn nuôi hiệu quả cho việc ứng dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao. Ngoài ra, việc yêu cầu đánh giá tác động môi trường của cơ sở chăn nuôi quy mô lớn cũng buộc nhiều cơ sở chăn nuôi quy mô lớn phải có chứng nhận trang trại. Theo nghiên cứu của Phương Dung (2017), các tỉnh miền Bắc tuy có số lượng trang trại không nhiều, song đã xuất hiện những mô hình phát triển mang lại hiệu quả kinh tế cao. Tại các tỉnh Sơn La, Điện Biên, Bắc Giang, Tuyên Quang, Hòa Bình, Hà Nam, Nam Định, Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh... xuất hiện các mô hình kinh tế trang trại cho thu nhập cao. Hà Nội là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về phát triển kinh tế trang trại với 1.230 trang trại theo tiêu chí mới; trong đó có 920 trang trại chăn nuôi, 190 trang trại thủy sản, 120 trang trại tổng hợp và khoảng 2.500 mô hình sản xuất quy mô vừa và nhỏ với tổng diện tích 15.000 ha. Các trang trại tập trung nhiều nhất ở các huyện Thạch Thất, Hoài Đức, Sóc Sơn, Đông Anh, Thường Tín, Gia Lâm, Thanh Trì... Tại Đồng Nai, số lượng trang trại có xu hướng tăng nhanh từ năm 2012 với khoảng 1.700 trang trại lên tới hơn 3.800 trang trại năm 2016, với giá trị sản lượng hàng hóa bình quân đạt 3,3 tỷ đồng/trang trại/năm.

### **3.2. Về quy mô trang trại**

Diện tích bình quân của 1 trang trại tăng từ 4,02 ha năm 2006 lên 5,6 ha năm 2016. Diện tích đất của trang trại lớn hơn 11 lần so với diện tích đất trung bình của một hộ nông nghiệp năm 2016 là 5804,5 m<sup>2</sup> (Tổng cục Thống kê, 2018). Số lượng lao động trung

bình sử dụng trong một trang trại năm 2016 là 4 người, trong đó 56% là lao động gia đình của chủ trang trại. Như vậy số lao động trung bình của 1 trang trại có tăng hơn so với năm 2006 là 3,34 người, nhưng mức tăng không nhiều.

Đặc biệt giá trị thu từ nông, lâm, thủy sản của trang trại tăng rất mạnh. Nếu năm 2011 giá trị thu của một trang trại từ nông, lâm, thủy sản chỉ là 1.951,8 triệu đồng, thì năm 2016 đã đạt 2.780 triệu đồng, gấp 1,42 lần. Sự tăng mạnh của giá trị thu trung bình chủ yếu tăng từ giá trị thu của trang trại chăn nuôi. Năm 2016, trung bình 1 trang trại chăn nuôi có giá trị thu từ nông, lâm, thủy sản đạt 3.318,2 triệu đồng.

### **3.3. Về hiệu quả**

Nhiều mô hình trang trại phát huy được lợi thế của vùng, địa phương, mang lại hiệu quả cao, doanh thu từ 1-3 tỷ đồng/năm, một số mô hình còn cho doanh thu từ 5-10 tỷ đồng/năm. Hiệu suất sử dụng đất và lao động của trang trại tăng mạnh trong giai đoạn 2006-2016. Năm 2006, giá trị thu từ nông, lâm, thủy sản của trang trại trên một lao động và trên 1 ha đất sử dụng lần lượt là 38,5 triệu và 46,3 triệu đồng, thì đến năm 2016 đã đạt lần lượt là 496,4 và 695,0 triệu đồng.

Hiệu suất sử dụng đất của trang trại cao hơn rất nhiều so với hộ gia đình quy mô nhỏ. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt và 1 ha đất nuôi trồng thủy sản tính chung cho cả nước năm 2016 lần lượt là 85,4 và 184,3 triệu đồng.

Một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng trang trại có chi phí sản xuất thấp hơn so với hộ gia đình quy mô nhỏ. Theo nghiên cứu của Hoàng Vũ Quang và Tạ Văn Tường (2017), giá thành sản xuất 1 kg lợn hơi giữa năm 2016 là 39.580 đồng thì của hộ quy mô nhỏ là 46.460 đồng.

## **4. Đánh giá**

### **4.1. Gia tăng vai trò, vị thế của kinh tế trang trại**

Một thời gian dài, nông nghiệp Việt Nam bị hạn chế bởi tình trạng manh mún về quy mô trong sản xuất, mà nguyên nhân chính là người đông, đất đai hạn chế. Nhiều địa phương ở những vùng đồng bằng Bắc Bộ, bình quân nhân khẩu chỉ có chưa đầy 1 sào (360m<sup>2</sup>). Sự manh mún đó đang cản trở các hộ gia đình nông dân trong việc nâng cao năng suất lao động, tăng tỷ trọng hàng hóa... và do đó tích lũy sản xuất chậm (Tạp chí Cộng sản, 2010). Kinh tế trang trại là bước phát triển căn bản của kinh tế hộ. Khi kinh tế hộ vươn lên thực hiện mô hình kinh tế hộ trang trại, họ chuyển được từ sản xuất tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa (hạch toán đầu vào - đầu ra, tiếp cận với phương thức sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường) với quy mô lớn hơn, gắn với nhu cầu thị trường.

Từ sự phát triển không ngừng cả về số lượng và chất lượng, kinh tế trang trại đã có nhiều đóng góp vào phát triển nông nghiệp, nông thôn. Phát triển trang trại khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, nhỏ lẻ, tạo điều kiện phát triển sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, hiện đại. Trang trại tạo thuận lợi cho ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao và cơ giới hóa, giúp giảm chi phí sản xuất và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp (Lê Thị Mai Hương, 2015; Hoàng Vũ Quang và Tạ Văn Tường, 2017). Kinh tế trang trại cũng tạo điều kiện cho phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới. Trang trại cũng tạo điều kiện thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị. Nghiên cứu của Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn năm 2016 cho thấy nhiều doanh nghiệp chỉ liên kết sản xuất với các trang trại chăn nuôi lợn quy mô lớn từ 500 lợn thịt trở lên và có trang thiết bị hiện đại (Hoàng Vũ Quang và cộng sự, 2016). Việc phát triển kinh tế trang trại cũng thúc đẩy quá trình tích tụ tập trung ruộng đất, hạn chế việc bỏ hoang đất nông nghiệp. Do số lượng trang trại tăng mạnh giai đoạn 2011-2016 cùng với số lượng lao

động trung bình trong 1 trang trại tăng, nên tổng số lao động làm việc trong trang trại không ngừng tăng, từ 95 nghìn năm 2011 lên 135 nghìn lao động năm 2016.

Tính chung, đóng góp của khu vực kinh tế trang trại vào tổng giá trị sản xuất của ngành nông, lâm, thủy sản ngày càng tăng. Năm 2011, giá trị thu từ nông, lâm, thủy sản của tất cả trang trại là 39,1 nghìn tỷ đồng (chiếm 3,8% tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản) đã tăng lên 92,3 nghìn tỷ đồng năm 2016 (chiếm 7,5% tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản).

Có thể nói, kinh tế trang trại là nhân tố mới ở nông thôn, là động lực mới, nối tiếp và phát huy động lực của kinh tế hộ, góp phần vào quá trình chuyển dịch, tích tụ ruộng đất, gắn liền với quá trình phân công lao động nông thôn. Hiệu quả kinh tế và lợi thế cạnh tranh của trang trại là tác nhân quan trọng để khuyến khích hộ nông dân tăng quy mô sản xuất lên trang trại và các địa phương có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ để phát triển trang trại. Ngoài chính sách chung của Trung ương, nhiều tỉnh có chính sách đặc thù riêng hỗ trợ kinh tế trang trại. Có tỉnh đã xây dựng riêng đề án phát triển kinh tế trang trại như Đồng Nai. Nhiều địa phương đã có chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng từ 30% đến 100% cho trang trại (Hà Giang, Tuyên Quang, Hải Phòng, Thái Bình, Đắk Lắk, Hà Tĩnh, Quảng Nam), hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạo thuận lợi cho trang trại chuyển đổi mục đích sử dụng đất; hỗ trợ trang trại xây dựng nhãn hiệu, đăng ký thương hiệu, tham gia hội chợ triển lãm (Hà Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Long); hỗ trợ di dời đối với trang trại gây ô nhiễm môi trường (Hà Nội), hỗ trợ cơ sở hạ tầng của trang trại như cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, chuồng trại, kho tàng, nhà xưởng và mua thiết bị phục vụ sản xuất. Một số tỉnh hỗ trợ hộ nông dân tiền thuê đất nông nghiệp của hộ khác để mở rộng quy mô sản xuất, phát

triển kinh tế trang trại (Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Thanh Hóa).

#### **4.2. Điểm yếu**

Thực tiễn “giải cứu” nông sản nhiều đợt trong năm 2017, 2018 cho thấy, trang trại vẫn còn nhiều rủi ro cả trong sản xuất và trong tiêu thụ sản phẩm. Các trang trại sản xuất quy mô lớn, đòi hỏi đầu tư vốn rất lớn nhưng luôn chịu rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm khi có dịch bệnh hoặc khi khủng hoảng thị trường. Tỷ lệ rất thấp trang trại áp dụng và có chứng nhận áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP). Điều tra năm 2018, ở một số tỉnh miền Bắc cho thấy chỉ có 8,3% trang trại chăn nuôi lợn áp dụng VietGAHP trong chăn nuôi; tương tự, chỉ có 6,2% trang trại chăn nuôi lợn có hợp đồng liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp. Khi có dịch bệnh trong vùng, các trang trại chăn nuôi áp dụng GAP và được chứng nhận cơ sở chăn nuôi an toàn vẫn chịu rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm. Thiếu cơ chế giảm thiểu rủi ro gây ra cho trang trại thiệt hại rất lớn khi có khủng hoảng giá như đợt khủng hoảng giá lợn hơi năm 2017 đã làm nhiều cơ sở chăn nuôi quy mô lớn phải ngừng hoạt động.

Một điểm yếu quan trọng là tỷ lệ chủ trang trại và lao động trong trang trại được đào tạo, có chứng chỉ đào tạo còn thấp. Kết quả điều tra nông, lâm, thủy sản năm 2016 cho thấy 48,6% chủ trang trại chưa qua lớp đào tạo chuyên môn nào, 27,8% có qua đào tạo chuyên môn nhưng chưa có chứng chỉ, 4,5% chủ trang trại có chứng chỉ nghề, chỉ có 19,2% chủ trang trại có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên; phần lớn chủ lao động thiếu kỹ năng quản trị trang trại, kiến thức thị trường, thiếu hiểu biết về quy định và chính sách của nhà nước đối với sản xuất của trang trại (Hoàng Vũ Quang, 2018).

Nghiên cứu của Phương Dung (2017) chỉ ra rằng, phần lớn chủ trang trại hiện nay còn thiếu thông tin về thị trường nông sản, khoa học kỹ thuật và quản lý; thiếu vốn sản xuất để phát triển lâu dài. Thông thường, họ cũng lúng túng và chịu thua thiệt khi giá nông sản

xuống thấp, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn, hay phải lập lại điệp khúc “được mùa mất giá” và đôi khi phải nhờ tới Chính phủ “giải cứu”. 50% doanh nghiệp được điều tra cho rằng: việc thiếu đất và mặt bằng là cản trở chính yếu nhất để họ đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh ở khu vực nông nghiệp nông thôn; 67,7% doanh nghiệp nông nghiệp đánh giá chính sách đất đai không thuận lợi, gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Phần lớn đất để làm trang trại là đất thuê, đất đấu thầu nên không đủ điều kiện đảm bảo vay ngân hàng. Việc cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại hiện nay không có giá trị về kinh tế, không thể thế chấp vay vốn ngân hàng. Bên cạnh đó, trình độ, năng lực của các chủ trang trại còn nhiều hạn chế, nhiều người chưa quan tâm đến việc đề nghị cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại, do tấm giấy này chưa mang lại những thuận lợi cho việc phát triển kinh tế trang trại (P.A., 2017).

Về mặt chính sách cho kinh tế trang trại, sau gần 20 năm, Nghị quyết 03/2000/NQ-CP vẫn đang có hiệu lực thi hành, cho dù nhiều chính sách về đất đai, tín dụng đã thay đổi, nhiều chính sách dành cho kinh tế trang trại trong văn bản này không còn phù hợp. Hoặc như trong chính sách tín dụng, mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho kinh tế trang trại nhưng những chính sách đó lại nằm rải rác ở các văn bản khác nhau. Việt Nam vẫn chưa có một văn bản mang tính hệ thống tích hợp tất cả những chính sách đó, thậm chí có nhiều quy định còn chưa rõ ràng.

Tiêu chí trang trại hiện hành không phù hợp với thực tế. Có trang trại đáp ứng về quy mô diện tích nhưng lại không đáp ứng về doanh thu (ví dụ trang trại trồng cây hàng năm), có trang trại đáp ứng về doanh thu thì không đáp ứng về tiêu chí diện tích (ví dụ trang trại hoa, trang trại công nghệ cao, trang trại sản xuất sản phẩm chất lượng cao,...). Tiêu chí đối với trang trại lâm nghiệp quá cao nên rất ít hộ đạt tiêu chí. Ngoài ra,

hiện tại trang trại đang được định nghĩa là hộ sản xuất quy mô lớn mà chưa có quy định trang trại là một hình thức tổ chức sản xuất quy mô lớn. Theo đó, trang trại có thể do nhiều hộ đồng làm chủ. Trong thực tế, đã có trường hợp một số hộ nông dân góp đất để cùng sản xuất theo mô hình cánh đồng lớn. Một cách tiếp cận mới theo đó trang trại là một đơn vị sản xuất có thể do một hộ hoặc nhiều hộ đồng thời làm chủ hoặc một hộ có thể làm chủ nhiều trang trại sẽ tạo thuận lợi hơn cho sự phát triển kinh tế trang trại, khuyến khích các hộ quy mô nhỏ cùng nhau góp tư liệu sản xuất để tổ chức sản xuất quy mô lớn. Tiêu chí trang trại hiện hành mới tập trung vào quy mô sản xuất của trang trại mà chưa quan tâm đến vấn đề quản trị trang trại để đảm bảo hoạt động của trang trại được minh bạch và giảm rủi ro, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho trang trại tiếp cận dịch vụ như tín dụng, bảo hiểm, liên kết chuỗi...

### 5. Kết luận

Bên cạnh những minh chứng nói trên và rút kinh nghiệm từ những đợt “giải cứu” nông sản trên toàn quốc, để kinh tế trang trại phát triển nhanh, bền vững như định hướng trong Đề án cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, cần thống nhất một số quan điểm về vai trò và định hướng phát triển trang trại. Kinh tế trang trại phải được coi là đơn vị tổ chức sản xuất nền tảng của nền nông nghiệp hiện đại, công nghệ cao để đẩy nhanh việc cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, giảm giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh và tạo thuận lợi cho liên kết chuỗi giá trị. Trang trại không chỉ là đơn vị sản xuất hàng hóa quy mô lớn, mà phải là đơn vị sản xuất được quản trị tốt về rủi ro, về lao động và tài chính, góp phần làm giảm rủi ro của cả nền nông nghiệp.

Về chính sách cụ thể, Chính phủ cần có một nghị định riêng về phát triển kinh tế trang trại, thể hiện rõ quyết tâm của Chính phủ trong việc phát triển kinh tế trang trại

và quy định các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho quản lý nhà nước về kinh tế trang trại. Nghị định của Chính phủ mới đủ căn cứ cho việc cấp giấy chứng nhận trang trại.

Liên quan đến việc xây dựng tiêu chí mới về kinh tế trang trại, trang trại nên được coi là một hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp. Trang trại có thể do một hộ nông dân hoặc nhiều hộ nông dân đồng chủ sở hữu. Tương tự, một hộ nông dân có thể làm chủ, tham gia đồng chủ sở hữu nhiều trang trại. Quy định như vậy tạo thuận lợi cho nhiều hộ nông dân góp đất, vốn tổ chức sản xuất quy mô lớn để thụ hưởng chính sách hỗ trợ kinh tế trang trại.

Tiêu chí quy mô sản xuất của trang trại chỉ nên áp dụng hoặc về diện tích hoặc về doanh thu. Quy định như vậy phù hợp với thực tế hiện hành. Ngoài ra, trang trại phải đáp ứng các quy định khác của pháp luật về quy hoạch vùng sản xuất, quy hoạch sử dụng đất, quy định về môi trường. Trang trại cần phải có chứng nhận áp dụng các quy trình sản xuất tốt hoặc có chứng nhận. Trong thời gian hiện nay, nên có tiêu chí khuyến khích trang trại áp dụng các hệ thống quản trị rủi ro, quản trị lao động, quản trị tài chính, áp dụng các quy trình sản xuất tốt (GAP). Việc áp dụng các tiêu chí khuyến khích có thể như điều kiện thuận lợi hơn cho trang trại thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước và tiếp cận dịch vụ.

Hơn nữa, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước cho trang trại cần tập trung vào tạo thuận lợi tiếp cận đất, thuê đất, tiếp cận tín dụng, hỗ trợ lãi suất tín dụng, áp dụng các quy trình thực hành sản xuất tốt (GAP), quản trị trang trại tốt, liên kết chuỗi giá trị, đào tạo lao động trang trại, xây dựng nhãn hiệu sản phẩm, đăng ký sử dụng thương hiệu, quảng bá sản phẩm, bảo hiểm rủi ro... Cần hỗ trợ chủ trang trại học nghề cả kỹ thuật và quản trị trang trại. Chính sách ưu đãi cần ưu tiên cho các trang trại áp dụng hệ thống quản trị trang trại./



**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đỗ Tuyết Nhung (2016), giải pháp phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, *Luận văn thạc sỹ*, Học viện nông nghiệp Việt Nam.

2. Hoàng Vũ Quang (2018), Hiểu biết và kỹ năng của hộ chăn nuôi lợn quy mô lớn ở một số tỉnh miền Bắc, *Báo cáo kết quả nghiên cứu của Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn*.

3. Hoàng Vũ Quang, Phạm Duy Khánh, Bùi Quang Nguyên, Bùi Tuấn Anh, Nguyễn Văn Ba (2016), liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi: thực trạng và chính sách, *Báo cáo kết quả nghiên cứu của Viện Chính sách và chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn*.

4. Hoàng Vũ Quang, Tạ Văn Tường (2017), Hiệu quả quy mô trong chăn nuôi lợn thịt ở Việt Nam, *Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn*, kỳ 11: 13-2

5. Lê Thị Mai Hương (2015), Hiệu quả kinh tế của các trang trại chăn nuôi heo ở Đồng Nai, *Tạp chí Phát Triển kinh tế địa phương*, số 25(35), 99-104.

6. Tổng cục Thống kê (2018), *Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016*, Nxb thống kê-2018.

7. Ngô Xuân Toàn và Đỗ Thị Thanh Vinh (2014), Phát triển mô hình kinh tế trang trại trên địa bàn huyện

hung nguyên, tỉnh nghệ an, *Tạp chí Khoa học Trường đại học Cần Thơ*, 31 (2014): 97-106.

8. Lê Xuân Lâm (2012), <http://www.vusta.vn/vi/news/Thong-tin-Su-kien-Thanh-tuu-KH-CN/Phat-trien-kinh-te-trang-trai-trong-thoi-ky-day-manh-Cong-nghiep-hoa-Hien-dai-hoa-nong-nghiep-nong-thon-0-nuoc-ta-42046.html>, truy cập 7-12-2018.

9. Phương Dung (2017), <https://bnews.vn/phat-trien-ben-vung-kinh-te-trang-trai-can-chinh-sach-moi-hieu-qua-hon/54804.html>, truy cập 7-12-2018.

10. P.A. (2017), <https://bnews.vn/phat-trien-kinh-te-trang-trai-gap-kho-ve-von-va-dat-dai/66709.html>, truy cập 7-11-2018.

11. Tạp chí Cộng sản (2010), <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2010/874/Kinh-te-trang-trai-mot-lua-chon-theo-huong-phat-trien.a.spx>, truy cập 7-11-2018.

---

Ngày nhận bài:	20-8-2018
Ngày nhận bản sửa:	14-9-2018
Ngày duyệt đăng:	8-10-2018